

Bản án số: 161/2019/HS-PT

Ngày 30-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thị Hồng Minh**

- *Các Thẩm phán:* Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**

Ông **Nguyễn Tấn Anh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Kiều Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2019/TLPT-HS ngày 08/8/2019 đối với bị cáo Lê Phan Quốc K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Phan Quốc K**, sinh ngày: 12/11/1987 tại Đà Nẵng. Nơi ĐKKHKT: Tổ X, phường A, quận B, TP Đà Nẵng. Chỗ ở: Không xác định. Nghề nghiệp: Đầu bếp. Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Lê P (s) và bà Phan Thị Ngọc N (s). Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân : Bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TPĐN xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 49/2019/HSST ngày 07/5/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/12/2018. Tạm giam ngày 6/12/2018. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Văn Hùng** – Luật sư Văn phòng luật sư Trần Hùng, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI D V U Á N:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2017, Lê Phan Quốc K thử việc với vị trí đầu bếp tại khách sạn A. Đến ngày 10/8/2017, K bị cho thôi việc vì không hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của doanh nghiệp. Trong thời gian này, do nợ nần quá nhiều không có khả năng chi trả nên K nảy sinh ý định lừa đảo bằng hình thức mua nợ hàng thực phẩm của công ty C bán lấy tiền trả nợ. Trong quá trình làm việc tại khách sạn A trước đây, K có quen biết chị Nguyễn Thị Hồng M - là Phó giám đốc Công ty TNHH MTV C nên K liên hệ với chị

M nói dối đang làm đầu bếp tại khách sạn A để đặt hàng thực phẩm. K đề nghị chị M cung cấp thực phẩm cho khách sạn A, R và E (các khách sạn trên đều thuộc sở hữu của Công ty F và công ty Đ do anh Nguyễn Trọng P làm giám đốc). Tin tưởng K, chị M đồng ý cung cấp hàng thực phẩm gồm cá, thịt, gia vị... Từ ngày 23/7/2017 đến ngày 9/11/2017, công ty C đã giao cho K 51 đơn hàng với tổng trị giá là 181.480.175 đồng. Việc giao nhận hàng hầu hết diễn ra trước công khách sạn A và D, còn một số lần được giao tại bếp của khách sạn. Hầu hết biên bản giao nhận hàng hóa đều do K ký nhận.

Trong quá trình làm việc tại khách sạn A, K có quen biết Nguyễn Duy D - là nhân viên bảo vệ của Công ty dịch vụ bảo vệ V được bố trí làm bảo vệ tại khách sạn A, sau đó điều chuyển sang làm bảo vệ tại khách sạn R; K tìm đến D nhờ nhận hàng thực phẩm của Công ty C. D đã nhận giúp K 03 lần, một lần tại bếp và hai lần tại trước cổng khách sạn R vì K hứa sẽ cho tiền D uống cà phê. Sau đó, K nhờ D mạo danh quản lý khách sạn D liên hệ với công ty C để trì hoãn trả tiền nợ và đặt hàng thực phẩm thì D sợ vi phạm pháp luật không nhận hàng giúp K nữa và giới thiệu K với H - là bạn cùng làm bảo vệ để K nhờ H nhận hàng giúp K.

Thông qua sự giới thiệu của D, K liên hệ với H và nhờ H nhận hàng giúp K, vì K hứa hẹn sẽ cho tiền nên H đồng ý nhận hàng giúp K. H đã nhận hàng cho K 01 lần và ký nhận đơn hàng trị giá 2.918.700đ. Sau đó mạo danh là quản lý khách sạn D để trao đổi với đại diện Công ty C để trì hoãn trả tiền nợ và đặt hàng thực phẩm. Việc gặp và trao đổi với chị M như thế nào đều do K hướng dẫn, cụ thể: H tự xưng là H1, quản lý khách sạn, liên hệ trực tiếp với chị M, dựng lên chuyện kế toán khách sạn bận chưa làm công nợ, hứa hẹn sẽ trả nợ và tiếp tục đề nghị đặt hàng của công ty C. Những lần liên lạc qua điện thoại với chị M, K thường dẫn dò H cần nói gì, đặt mặt hàng nào hoặc ghi vào điện thoại để H đọc rồi trao đổi với chị M. Ngoài ra, để tạo sự tin tưởng cho công ty C, K đã tạo địa chỉ mail ketoanlamaison@gmail.com để liên hệ với công ty xác nhận công nợ, đặt hàng thực phẩm cho khách sạn. K còn nhờ V, người yêu của K liên lạc với chị M qua số điện thoại 0989.203.488, mạo danh là kế toán khách sạn A để hứa hẹn trả tiền nợ cho công ty C.

Sau khi lấy hàng thực phẩm của công ty C, K thông qua một người tên Nguyễn Văn M (không rõ năm sinh, địa chỉ) để đem đi tiêu thụ tại TP Hồ Chí Minh. Theo trình bày của K, M có xe đông lạnh và thường chở hàng thực phẩm đi bán tại TP Hồ Chí Minh nên K đã nhờ M bán giúp nhưng hiện nay M chưa trả tiền lại cho K. Ngoài ra, K đem bán cho một vài cửa hàng tại Đà Nẵng. Số tiền bán hàng tại Đà Nẵng, K trả cho công ty C được 11.000.000 đồng. Đến khi bị phát hiện, K thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, đồng thời viết giấy cam kết sẽ trả toàn bộ số tiền là 170.480.175 đồng cho Công ty C, sau đó K không trả nợ và bỏ đi khỏi địa phương.

Sau khi bỏ đi khỏi địa phương, Lê Phan Quốc K đến thuê phòng tại homestay Gdo anh Nguyễn Đình V làm chủ. Trong lúc này, K bị các chủ nợ liên tục điện đòi nợ và đe dọa nên K nảy sinh ý định thuê xe mô tô của anh V để cần nợ. K nói dối với anh V cần xe đi làm và thuê cho bạn đi chơi nên đề nghị anh V cho thuê xe máy. Tin tưởng K, anh V liên hệ với chị Lê Thị Mỹ D1 làm nghề cho thuê xe máy để thuê cho K 03 chiếc xe máy, cụ thể như sau: Ngày 17/1/2018, K thuê chiếc xe Air Blade, nhãn hiệu Honda, màu đen bạc, mang BKS 43C1-117.XX, sau khi thuê K liên hệ với một người đàn ông tên H3 (không rõ nhân thân, lai lịch) là người đã cho K vay 10.000.000 đồng để giao

xe cần trừ nợ; K biết H3 thông qua một người quen trên Facebook giới thiệu để vay tiền; ngày 9/2/2018, K thuê chiếc xe Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu vàng, mang BKS 43C1-358.YY, sau khi thuê K liên hệ với một người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) là người đã cho K vay 10.000.000 đồng để giao xe cần trừ nợ; K biết B thông qua một người quen trên Facebook giới thiệu để vay tiền; sau khi giao xe cần nợ cho B thì anh Nguyễn Đình V đòi lại xe Sirius BKS 43C1-358.YY, do không có xe để trả nên K tiếp tục nói dối anh V thuê thêm một chiếc xe nữa để cho bạn đi nhưng mục đích thuê xe để đi cầm lấy tiền chuộc lại xe Sirius BKS 43C1-358.YY trả lại cho anh V. Tin lời K, anh V cho K thuê chiếc xe Vision, nhãn hiệu Honda, màu nâu, mang BKS 43F1-150.ZZ. Ngày 17/2/2018, K nhờ Đặng Văn L đến nhà anh Trần Huy Đ để nhờ anh Đ cầm giúp chiếc xe Vision mang BKS 43F1-150.KK với số tiền là 4.500.000 đồng trong thời hạn 2 đến 3 ngày. L nói dối với anh Đ chiếc xe Vision là xe của gia đình, giấy tờ hiện gia đình L đang giữ. Do không có giấy tờ xe nên L đưa bản photo giấy CMND của L cho anh Đ để làm tin. Vì có mối quan hệ bạn bè, anh Đ tin tưởng, đồng ý cầm giúp L. Sau đó, anh Đ đã cho bạn là chị Đỗ Hoàng Thu L2 mượn chiếc xe nói trên để làm phương tiện đi lại, khi biết xe trên là tài sản bị chiếm đoạt chị L2 đã giao nộp xe cho Cơ quan điều tra Công an Sơn Trà. Anh Đ không biết người thanh niên tên K này là ai, làm gì, ở đâu. Hiện nay, L không có mặt tại địa phương, đã xác minh nhưng không rõ làm gì, ở đâu.

Tại Kết luận số 33/2018/KL-HĐĐTSTTHS ngày 04/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Sơn Trà xác định: 01 xe Air Blade, nhãn hiệu Honda, màu đen bạc, mang BKS 43C1-117.XX giá trị: 16.000.000 đồng; 01 xe Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu vàng, mang BKS 43C1-358.YY giá trị: 10.800.000 đồng; 01 xe Vision, nhãn hiệu Honda, màu nâu, mang BKS 43F1-150.SS giá trị: 18.000.000 đồng. Tổng trị giá 03 chiếc xe máy trên là 48.800.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lê Phan Quốc K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp với 15 tháng tù của bản án số 49/2019/HSST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng buộc bị cáo Lê Phan Quốc K phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 03/12/2018.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 13/7/2019, bị cáo Lê Phan Quốc K có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Phan Quốc K có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo với mức

án 07 năm 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Văn Hùng bào chữa bảo vệ quyền lợi cho bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Phan Quốc K khai nhận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên trong thời gian từ ngày 23/7/2017 đến ngày 09/11/2017 tại phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Lê Phan Quốc K đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách lừa dối chị Nguyễn Thị Hồng M - Phó giám đốc Công ty TNHH MTV C để mua thực phẩm phục vụ khách sạn nhưng thực chất mua để bán lại lấy tiền tiêu xài với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là: 170.480.175 đồng. Ngoài ra, vào các ngày 17/01/2018, 09/02/2018 và ngày 17/02/2018 tại phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, K tiếp tục lừa dối anh Nguyễn Đình V thuê 03 chiếc xe mô tô để đi cần nợ và cầm cố với giá trị tài sản mà K chiếm đoạt của anh V là: 48.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà K lừa dối để chiếm đoạt là: 219.280.175 đồng. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Lê Phan Quốc K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Phan Quốc K, thì thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo phạm tội hai lần trở lên nên thuộc tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đồng thời áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Văn Hùng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 BLHS, cho bị cáo hưởng mức án nhẹ hơn. Xét thấy, bị cáo có nghề nghiệp nhưng không chịu lao động làm việc chân chính. Bị cáo có nhân thân xấu, sau khi phạm tội ở địa bàn quận Sơn Trà lại tiếp tục đến địa bàn quận Liên Chiểu thực hiện hành vi lừa đảo, số tiền bồi thường, khắc phục hậu quả quá ít so với thiệt hại mà bị cáo đã gây ra. Do đó, HĐXX xét thấy đề nghị này không phù hợp nên không chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Phan Quốc K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Phan Quốc K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với **15 tháng tù** của bản án số 49/2019/HSST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng buộc bị cáo Lê Phan Quốc K phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2018.

3. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Lê Phan Quốc K phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Sơn Trà;
- VKSND quận Sơn Trà;
- CQCSĐT Công an quận Sơn Trà;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại tạm giam CA Tp Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hồng Minh

